

Số: 602/2021/QĐ-PT

Thành phố M, ngày 18 tháng 11 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO
ĐỐI VỚI QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M

Với Hội đồng phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà: Nguyễn Thị Kim Cương

Các Thẩm phán: Bà: Nguyễn Thị Lan Hương

Ông: Nguyễn Bá Thịnh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố M tham gia phiên họp: Ông Phạm Duy Tuấn - Kiểm sát viên.

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số 163/2021/QĐST – DS ngày 24 tháng 3 năm 2021. Tòa án nhân dân quận P đã căn cứ vào các điều 48 và khoản 2 Điều 184, Điều 186, điểm e khoản 1 Điều 217, 218, 219 và khoản 2 điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự để ban hành quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự về việc “*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ*”; giữa:

Nguyên đơn: Quỹ bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa Thành phố M (gọi tắt là Quỹ bảo lãnh)

Địa chỉ: 07 đường H, phường 08, Quận B, Thành phố M

Người đại diện theo ủy quyền:

1/ Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1983

2/ Bà Đặng Thị Thu T, sinh năm 1996

Cùng địa chỉ: 382/17-19 đường NTMK, Phường 5, Quận B, Thành phố M.

Theo Giấy ủy quyền ngày 15/4/2021

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: ông Nguyễn Ngọc H, luật sư của công ty luật TNHH PH, thuộc Đoàn luật sư Thành phố M.

Bị đơn: Văn phòng luật sư NTN (gọi tắt là văn phòng luật sư)

Địa chỉ: 01B đường TQD, Phường 8, quận P, Thành phố M

Trưởng văn phòng luật sư: ông NTN, sinh năm 1958

Tại đơn kháng cáo ngày 01 tháng 4 năm 2021, Quỹ bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa Thành phố M (viết tắt là “nguyên đơn”) trình bày kháng cáo với lý do: Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 163/2021/QĐST-DS của Tòa án nhân dân quận P, Thành phố M có những vấn đề chưa phù hợp với quy định pháp luật, cụ thể:

Thứ nhất, xác định chưa chính xác quan hệ tranh chấp, theo đơn khởi kiện ngày 20/7/2020 của Quỹ bảo lãnh, theo đó Quỹ bảo lãnh khởi kiện yêu cầu ông NTN– Văn phòng luật sư NTN hoàn trả lại tài sản với số tiền 600.000.000 (sáu trăm triệu đồng) đã ứng trước chứ Quỹ bảo lãnh không tranh chấp các quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng dịch vụ pháp lý số 02/2012/HĐ-DVPL ngày 17/01/2012 và phụ kiện hợp đồng số 01/2012/PK-HĐ ngày 12/7/2012 với ông NTN– Văn phòng luật sư NTN, đây là quan hệ tranh chấp “đòi lại tài sản”. Tuy nhiên, tại Thông báo thụ lý vụ án dân sự số 0831/TB-TLVA ngày 27/10/2020 của Tòa án nhân dân quận P, Thành phố M lại xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”. Việc xác định quan hệ tranh chấp này của Tòa án nhân dân quận P, Thành phố M đã vượt quá yêu cầu khởi kiện của Quỹ bảo lãnh.

Thứ hai, việc xác định hết thời hiệu khởi kiện là không có cơ sở, cụ thể:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/7/2020 của Quỹ bảo lãnh, yêu cầu “đòi lại tài sản” thì theo quy định tại khoản 2 điều 155 của Bộ luật dân sự 2015 thì “không áp dụng thời hiệu đối với tranh chấp quyền sở hữu tài sản”. Đồng thời, tại bản tự khai ngày 03/12/2020 của văn phòng luật sư NTN cũng thừa nhận từ Quỹ bảo lãnh 1.200.000.000 đồng (một tỷ hai trăm triệu đồng) và được khấu trừ hứa thưởng do đã thực hiện kết quả có Kháng nghị giám đốc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, sự thừa nhận này cũng đã làm bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a Khoản q điều 157 Bộ luật dân sự 2015. Đồng thời, Văn phòng luật sư NTN cam kết trả lại số tiền trên theo công văn số 45/VB-GT ngày 26/9/2016 gửi cơ quan cảnh sát điều tra – công an Thành phố M.

Phụ kiện hợp đồng số 01/2012/PK-HĐ ngày 12/7/2012 mang tính chất hứa thưởng và đảm bảo kết quả của văn phòng Luật sư NTN là vi phạm *Quy tắc 14* của Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp Luật sư Việt Nam và Khoản 2 điều 5 Luật Luật sư 2006 sửa đổi bổ sung 2012. Như vậy, Phụ kiện hợp đồng số 01/2012/PK-HĐ ngày 12/7/2012 đã vi phạm đạo đức hành nghề và vi phạm điều cấm của của pháp luật nên vô hiệu theo điều 128 Bộ luật dân sự 2005. Trường hợp vô hiệu do “*vi phạm điều cấm của pháp luật, trái đạo đức xã hội*” thì “*thời hiệu yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu không bị hạn chế*” theo quy định tại khoản 2 điều 136 Bộ luật dân sự 2005.

Trong giai đoạn từ năm 2014 đến năm 2016 là giai đoạn Thanh tra Thành phố thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố M thực hiện việc thanh tra đối với Quỹ bảo lãnh và chuyên vụ việc cho Công an Thành phố M điều tra các sai phạm trong quá trình hoạt động của Quỹ bảo lãnh, theo đó hợp đồng dịch vụ pháp lý số 02/2012/HĐ-DVPL ngày 17/01/2012 và phụ kiện hợp đồng số 01/2012/PK-HĐ ngày 12/7/2012 là một phần cơ quan thanh tra yêu cầu công an Thành phố M điều tra dấu hiệu vi phạm pháp luật. Đến ngày 15/6/2018, cơ quan cảnh sát điều tra – công an Thành phố M ban hành Bản kết luận điều tra vụ án hình sự và đề nghị truy tố số 511-25/KLĐT – PC46(D98) và ngày 24/9/2019 Ủy ban nhân dân Thành phố M ban hành văn bản số 3891/UBND-KT về kết quả thực hiện thanh tra – yêu cầu quỹ bảo lãnh thực hiện khởi kiện Văn phòng luật sư Nguyễn Thái Nguyên để thu hồi khoản tiền đã tạm ứng theo Hợp đồng và phụ kiện hợp đồng trên. Như vậy, chỉ sau ngày 24/9/2019 thì Quỹ bảo lãnh mới có quyền để bảo vệ quyền,

lợi ích hợp pháp của mình đối với việc xử lý các hợp đồng dịch vụ pháp lý theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố M.

Thứ ba, việc xác định tư cách của bị đơn cũng chưa chính xác, theo quy định tại Khoản 1 điều 33 Luật luật sư 2006 sửa đổi, bổ sung 2012 xác định “Văn phòng luật sư do một luật sư thành lập được tổ chức và hoạt động theo loại hình doanh nghiệp tư nhân” và theo Luật doanh nghiệp 2014 thì Doanh nghiệp tư nhân không có tư cách pháp nhân nên Văn phòng luật sư NTN cũng không có tư cách pháp nhân. Như vậy, xác định văn phòng luật sư NTN thay vì xác định ông NTN là bị đơn là chưa chính xác tư cách tham gia tố tụng của đương sự - vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Thứ tư, Quỹ bảo lãnh là đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố M nên khoản tiền 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng) là khoản tiền thuộc ngân sách nhà nước, ngày 24/9/2019, Ủy ban nhân dân Thành phố M ban hành công văn số 3891/UBND – KT “*Về kết quả thực hiện Kết luận thanh tra*”. Theo đó, Ủy ban nhân dân Thành phố M đôn đốc Quỹ bảo lãnh khởi kiện Văn phòng Luật sư NTN để thu hồi khoản tiền trên là tài sản của nhà nước cần phải có Quyết định đúng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên họp phúc thẩm:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố M phát biểu ý kiến: đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa Thành phố M. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 163/2021/QĐST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận P, Thành phố M.

XÉT THẤY:

[1]. Căn cứ vào Quyết định số 36/2006/QĐ- UBND ngày 08/03/2006 về thành lập Quỹ bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa Thành phố M; Căn cứ và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng thì Quỹ bảo lãnh thuộc tài sản công tại doanh nghiệp theo qui định tại khoản 1 Điều 3 Luật quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 và khoản 11 Điều 3 Luật kiểm toán nhà nước năm 2015.

Về xác định quan hệ tranh chấp:

Xét, số tiền nguyên đơn giao cho bị đơn được thực hiện theo thỏa thuận của hợp đồng dịch vụ pháp lý 02/2012/HĐ-DVPL ngày 17/01/2012 và phụ kiện hợp đồng số 01/2012/PK-HĐ ngày 12/7/2012 và lý do nguyên đơn yêu cầu trả cũng cho rằng bị đơn vi phạm thỏa thuận của hợp đồng dịch vụ trên nên xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ “theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, nguyên đơn cho rằng đây là quan hệ “Đòi tài sản” là không có cơ sở.

[2]. Việc Tòa án xác định hết thời hiệu khởi kiện:

[2.1]. Xét, vụ án xảy ra trước năm 2015 nhưng Căn cứ Điểm d, Khoản 1, Điều 688 BLDS năm 2015 thể hiện “ Thời hiệu được áp dụng theo qui định của Bộ luật này tức là áp dụng BLDS năm 2015.

Như nhận định ở trên, quan hệ tranh chấp là “ Tranh chấp hợp đồng dịch vụ” nên căn cứ theo Điều 429 BLDS 2015 “ Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 3 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm.

- Bản tự khai ngày 03/12/2020 bị đơn chỉ xác nhận có nhận tiền từ hợp đồng không thừa nhận nghĩa vụ của mình đối với nguyên đơn nên không phù hợp với Điều 157 BLDS năm 2015 để bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện.

- Theo văn bản số 45/VB-GT ngày 26/9/2016 gửi cơ quan cảnh sát ngày 26/9/2016 bị đơn đã thừa nhận 1 phần nghĩa vụ đối với nguyên đơn nên căn cứ vào Điều 157 BLDS 2015 thì thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự bắt đầu lại kể từ ngày tiếp theo sau ngày xảy ra sự kiện là ngày 27/9/2016. Nhưng đến ngày 22/7/2020 nguyên đơn mới nộp đơn khởi kiện nên căn cứ Điều 429 BLDS cũng hết thời hiệu khởi kiện vụ án.”

[2.2]. Xét, nội dung của phụ kiện hợp đồng số 01/2012/PK-HĐ ngày 12/07/2012 không có cam kết đảm bảo kết quả vụ việc nhằm mục đích lôi kéo khách hàng hoặc để tính thù lao theo kết quả cam kết. Nội dung của phụ kiện hợp đồng này chỉ mang tính chất hứa thưởng phù hợp theo Điều 590 BLDS 2005 nên việc nguyên đơn cho rằng Phụ kiện hợp đồng số 01/2012 /PK-HĐ vi phạm qui tắc 14 của Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam và khoản 2 Điều 5 Luật luật sư năm 2006 sửa đổi, bổ sung 2012 là vi phạm đạo đức hành nghề và vi phạm điều cấm của pháp luật nên vô hiệu và không bị hạn chế về thời hiệu là không có cơ sở.

[2.3]. Xét, trong năm 2014 và tháng 01/2015 nguyên đơn đã phát hành các văn bản yêu cầu bị đơn hoàn trả số tiền đã tạm ứng của hợp đồng dịch vụ pháp lý số 02/ 2012/HĐ-DVPL và phụ kiện hợp đồng số 01/2012 và Quyết định giám đốc thẩm của Tòa án nhân dân tối cao về việc giữ nguyên bản án phúc thẩm số 118/2012 thể hiện kể từ năm 2014. Do đó, nguyên đơn đã biết được quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm từ năm 2014.

Xét, thời gian cơ quan cảnh sát điều tra – công an Thành phố M điều tra, khởi tố, truy tố bị can THT về tội “ Vi phạm qui định về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước gây thất thoát, lãng phí” không phải là sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan theo Điều 156 Bộ luật dân sự 2015.

Việc nguyên đơn cho rằng Ủy ban nhân dân Thành phố M ban hành văn bản số 3891/UBND -KT ngày 24/09/2019 về kết quả thực hiện thanh tra – Yêu cầu Quỹ bảo lãnh thực hiện khởi kiện Văn phòng luật sư NTN để thu hồi khoản tiền tạm ứng theo hợp đồng và phụ kiện hợp đồng trên thì sau ngày 24/9/2019 Quỹ bảo lãnh mới có quyền để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình đối với việc xử lý các hợp đồng dịch vụ pháp lý theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố M là không phù hợp với qui định pháp luật vì không phải là sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan theo Điều 156 Bộ luật dân sự 2015.

[3]. Việc xác định tư cách của bị đơn:

Xét, đơn khởi kiện ngày 20/07/2020 thể hiện: Người khởi kiện là Quỹ bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa Thành phố M; Người bị kiện là Văn phòng luật sư NTN và yêu cầu Văn phòng luật sư NTN hoàn trả lại cho Quỹ tín dụng

số tiền 600.000.000 đồng nên Tòa án nhân dân quận P căn cứ khoản 3 Điều 68 BLTTDS 2015 xác định bị đơn là Văn phòng luật sư NTN là đúng theo qui định pháp luật.

[4]. Quỹ bảo lãnh khởi kiện văn phòng luật sư NTN để thu hồi khoản tiền trên là tài sản của nhà nước nên để bảo vệ quyền lợi ích của nhà nước cần phải có Quyết định đúng theo qui định pháp luật.

Xét, Quỹ bảo lãnh thuộc tài sản công tại doanh nghiệp. Tuy nhiên, căn cứ vào Điều 155 BLDS 2015 về việc Không áp dụng thời hiệu khởi kiện thì Quỹ bảo lãnh vẫn thuộc trường hợp bị áp dụng thời hiệu khi tham gia giao dịch dân sự.

Từ những nhận định trên, xét thấy Quyết định đình chỉ số 163/2021/QĐST-ĐC ngày 24/3/2021 về việc “ Tranh chấp hợp đồng dịch vụ” của tòa án nhân dân Pdo hết thời hiệu khởi kiện là đúng qui định Pháp luật.

[5]. Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố M đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên quyết định đình chỉ số 163/2021/QĐST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận P, Thành phố M. Như đã phân tích nêu trên, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố M là đúng pháp luật, có cơ sở chấp nhận.

[6]. Không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên quyết định đình chỉ số 163/2021/QĐST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận P, Thành phố M.

[7]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo qui định tại Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 314 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Quỹ bảo lãnh tín dụng các doanh nghiệp nhỏ và vừa Thành phố M.

2. Giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 163/2021/QĐST-DS ngày 24/3/2021 của Tòa án nhân dân quận P, Thành phố M.

3. *Án phí dân sự phúc thẩm:* Quỹ bảo lãnh tín dụng các doanh nghiệp nhỏ và vừa Thành phố M phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng được cản trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm Quỹ bảo lãnh đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0019788 ngày 07/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố M. Sau khi cản trừ Quỹ bảo lãnh đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM

- TAND TC
- VKSND TP.HCM
- TAND Q.P;
- Chi cục THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu Hs

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Kim Cương

